

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Kiên cố hóa đường giao thông nội đồng thôn 2,
xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 50/2014/QH14 ngày 18/06/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 27/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Triệu Sơn khóa XVIII, kỳ họp thứ 2 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Kiên cố hóa đường giao thông nội đồng thôn 2, xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định số 4999/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, nhiệm vụ khảo sát và chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Kiên cố hóa đường giao thông nội đồng thôn 2, xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 299/TĐ-KTHT ngày 28/10/2021 và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn tại Tờ trình số 499/TTr-BQLDA ngày 18/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Kiên cố hóa đường giao thông nội đồng thôn 2, xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Kiên cố hóa đường giao thông nội đồng thôn 2, xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn.

2. Loại, cấp công trình: Đường GTNT, loại B.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn.

5. Đơn vị khảo sát, lập Báo cáo KT - KT đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng hạ tầng Thành Công.

6. Giải pháp thiết kế:

6.1. Đường giao thông nội đồng thôn 2

a) Bình đồ tuyến:

Tuyến đường có chiều dài tuyến $L=735m$.

- Điểm đầu Km0+00 giao với đường giao thông nội đồng hiện trạng đi thôn 5 xã Nông Trường.

- Điểm cuối Km0+735 tại cuối tuyến đường là cánh đồng sản xuất của thôn 2 và thôn 3 xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn. Quy mô thiết kế đường là đường GTNT loại B.

b) Cắt dọc tuyến:

Cao độ tuyến đường thiết kế Đảm bảo sự phù hợp với các tuyến đường hiện trạng.

Độ dốc dọc lớn nhất 2,22%.

c) Cắt ngang tuyến:

- Chiều rộng nền đường: $B_n = 4,0m$.

- Chiều rộng mặt đường: $B_m = 3,5m$.

- Chiều rộng lề đường: $B_L = 0,25 \times 2 = 0,5m$.

- Dốc ngang mặt đường: $i_m = 2\%$.

d) kết cấu nền, mặt đường từ trên xuống như sau:

- Bê tông mặt đường BTXM M200#, đá 1x2, dày 18cm.

- Lớp lót ni lông chống mất nước.

- Lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 20cm.

- Đắp nền đường bằng đất đầm chặt $K \geq 0,95$.

6.2. Cống qua đường trên tuyến

Cống qua đường trên tuyến với chiều dài thân công $L=5m$ tại vị trí cọc 23 (Km0+467,20). Cống 1 cửa, mặt cắt ngang hình chữ nhật, kích thước $b \times h = (0,5 \times 1,0)m$. Kết cấu cống như sau:

- Thân công bằng BTCT M200 đá 1x2, đáy dày 30cm; tường công dày 30cm;

- Sân phía thượng lưu, hạ lưu đổ BTCT M200, đá 1x2 dày 25cm; Phía trước sân hạ lưu xếp đá hộc lát khan;

- Tường cánh phía thượng lưu, hạ lưu đổ BTCT M200, đá 1x2 dày 30cm;
- Đáy cống đặt trên lớp cấp phối đá $D_{max} \leq 6\text{cm}$.
- Tấm đan BTCT M250 đá 1x2, dày 18cm.

(Vị trí, hình thức kết cấu chi tiết các hạng mục thể hiện trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo)

7. Giá trị dự toán và nguồn vốn:

7.1. Giá trị dự toán: 999.348.000 đ

(Chín trăm chín mươi triệu, ba trăm bốn tám nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	851.193.000 đ;
- Chi phí QLDA	23.400.000 đ;
- Chi phí TVĐTXD	96.540.000 đ;
- Chi phí khác	18.321.000 đ;
- Chi phí dự phòng 1%	9.894.000 đ;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

8.2. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn vốn thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2021 tỉnh phân bổ cho huyện.

9. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021.

Điều 2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc huyện; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

DỰ TOÁN
CÔNG TRÌNH: KIẾN CỐ HOÁ ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN 2, XÃ
NÔNG TRƯỜNG, HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ.

Đơn vị tính: VNĐ

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT(10%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	773.811.818	77.381.182	851.193.000
1	Đường giao thông nội đồng thôn 2	773.811.818	77.381.182	851.193.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	23.400.069		23.400.069
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	87.763.758	8.776.376	96.540.134
1	Khảo sát	19.792.727	1.979.273	21.772.000
2	Lập nhiệm vụ khảo sát	593.636	59.364	653.000
3	Giám sát khảo sát	806.364	80.636	887.000
4	Lập Báo cáo KT-KT	41.785.838	4.178.584	45.964.422
5	Giám sát thi công xây dựng	24.785.193	2.478.519	27.263.712
IV	CHI PHÍ KHÁC	17.370.676	949.876	18.320.551
1	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan QLNN	4.957.039		4.957.039
2	Thẩm định báo cáo KT-KT	94.938		94.938
3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	2.819.943		2.819.943
4	Kiểm toán	9.498.756	949.876	10.448.632
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	9.023.463	871.074	9.894.538
	TỔNG CỘNG	911.369.785	87.978.508	999.348.292
	LÀM TRÒN			999.348.000

Bảng chữ: (Chín trăm chín mươi chín triệu, ba trăm bốn tám nghìn đồng)